

Bản án số: 35/2023/HS-PT

Ngày 14-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Bình

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Như Phượng

Ông Nguyễn Văn Sinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Tạ Trung Kiên, bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 25/2023/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Lê Huy T1 cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

****Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Lê Huy T1, sinh năm 1966 tại Hải Dương; nơi cư trú: Số nhà 59, đường NHT, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 10/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lê Huy Gi và bà: Vũ Thị Nh; có vợ L: Trần Thị L; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-12-2021 đến nay, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Thị Hoài Th, sinh năm 1989 tại Gia Lai; nơi cư trú: Số nhà 08, đường ĐCT, tổ 5, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn T H và bà: Lê Thị Bích H; có chồng L: Nguyễn Khắc N; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09-10-2020 đến nay, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Nguyễn Thị Th Th1, sinh năm 1983 tại Gia Lai; nơi cư trú: Số nhà 84/15, đường CL, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức; trình

độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Bùi Sỹ Th và bà: Nguyễn Thị C; có chồng L: Nguyễn Quang T; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-12-2021 đến nay, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. Chu Thị L, sinh năm 1983 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà 95B, đường PKK, phường YĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông: Chu Sỹ L và bà: Nguyễn Thị Ph; có chồng L: Hoàng Trung K; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-12-2021 đến nay, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. Phan Ngọc T, sinh năm 1990 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 8, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Phan Văn Th và bà: Võ Thị Hoa Lệ T; có vợ L: Phan Thùy D; có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-12-2019 đến nay, bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Người bào chữa cho các bị cáo:**

- Luật sư Trần Văn Cảnh Thộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, bào chữa cho bị cáo Lê Huy T1. Có mặt

- Luật sư Phạm Ngọc Quang Thộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th. Có mặt

- Luật sư Ngô Thanh Quảng Thộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Th Th1. Có mặt

- Luật sư Hứa Thị Trung Nghĩa Thộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, bào chữa cho các bị cáo Phan Ngọc T và Chu Thị L. Vắng mặt

*** Nguyên đơn dân sự:**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai;

Địa chỉ: Số 24 QT, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền L ông: Nguyễn T Sỹ - Chánh thanh tra Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Ông Nguyễn Hữu L1; nơi cư trú: Số 169/15, đường CMT8, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Bà Lê Thị Minh H; nơi cư trú: Số 777, đường PVĐ, tổ 4, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Ông Đinh Thanh H1, nơi cư trú: Số 345, đường PVĐ, tổ 7, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Bà Lê Vi B; nơi cư trú: Số 468, đường NH, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bà Trần Thị Lan Ph; nơi cư trú: Tổ 01, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bà Phạm Thị Th; nơi cư trú: Số 09, đường LVT, tổ 14, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Ông Lê Xuân L; nơi cư trú: Số 207, đường PĐ, tổ 8, phường HL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bà Trương Thị Mỹ D; nơi cư trú: Số 339, đường NH, thị trấn ĐĐ, huyện ĐĐ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Bà Vũ Thị L; nơi cư trú: Lô E75, Khu Th nhập thấp, tổ 4, phường TTL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bà Nguyễn Thị Nh; nơi cư trú: Thôn 1, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Ông Nguyễn Quốc C; nơi cư trú: Số 120, đường PĐP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

***Người Lm chứng:**

-Ông Đỗ Thanh Th, ông Trần Văn Th1, ông Lữ Đình Th2, ông Nguyễn Viết V và ông Diệp Trí Qu; Đều cư trú tại: Thôn 7, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đều vắng mặt

-Ông Đặng Văn L; nơi cư trú: Thôn 1, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

-Bà Nguyễn Thị Mỹ Trg; nơi cư trú: Thôn 3, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

***Người giám định:**

Bà Bùi Thị Hồng Tân, ông Trương Công Thành; Ông Lê Ngọc Đình; nơi công tác: Sở Tài chính tỉnh Gia Lai. Bà Tân, ông Thành có mặt, ông Đình vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Gia Lai (sau đây viết tắt L: Chi cục NLTS) được thành lập theo Quyết định số: 548 ngày 10/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, trực Thộc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai (sau đây viết tắt L: Sở Nông nghiệp). Lê Huy T1 L Chi cục trưởng, Nguyễn Thị Hoài Th L Kế toán trưởng, Nguyễn Thị Th Th1 L Phụ trách Phòng Quản lý - Đo lường chất lượng, Chu Thị L L Thủ quỹ, Phan Ngọc T L công chức Phòng Quản lý - Đo lường chất lượng. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, với chức năng, nhiệm vụ được giao, T1, Th, Thảo, L và T đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn, gây thiệt hại về tài sản và mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể như sau:

Ngày 29/7/2016, Phan Ngọc T được Lê Huy T1 phân công chủ trì thực hiện mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGap tại xã An Phú. Theo hồ sơ dự toán được Sở Nông nghiệp phê duyệt và Hợp đồng xây dựng mô hình sản xuất rau thì Chi cục NLTS sẽ hỗ trợ cây giống, phân bón, Thốc bảo vệ thực vật cho 10 hộ dân,

để thực hiện trồng rau trên diện tích 2,35 héc ta tại xã An Phú. Ngày 08/08/2016, T họp các hộ dân gồm: Ông Đỗ Thanh Th, ông Trần Văn Th1, ông Lữ Đình Th2, ông Nguyễn Việt V và ông Diệp Trí Qu cùng trú tại xã AP; tại buổi họp, đại diện các hộ dân nêu trên đều yêu cầu được cung cấp hạt giống cà chua thay vì cung cấp cây giống cà chua theo dự toán, để chủ động, Thận tiện trong việc gieo trồng, phù hợp với cách thức canh tác, đồng thời thay đổi phân bón từ cấp phân Urê, Lân, Kali sang phân NPK. Sau khi tiếp nhận ý kiến từ các hộ dân, T báo cáo lại với Nguyễn Thị Th Th1 và T1, thì được T1 chỉ đạo L “*hỗ trợ theo yêu cầu của người dân và bám sát dự toán đã được phê duyệt*”, mà không yêu cầu, hướng dẫn T Lm các thủ tục để báo cáo xin ý kiến Sở Nông nghiệp về sự thay đổi này; việc chỉ đạo của T1 không được thể hiện bằng văn bản. Từ sự chỉ đạo của T1, T quyết định sẽ cấp phát hạt giống cà chua cho các hộ dân theo yêu cầu, nhưng vẫn Lm hồ sơ quyết toán mô hình L cấp cây giống cà chua theo như dự toán đã duyệt. Qua khảo sát giá hạt giống cà chua và tự cân đối số lượng hạt cấp phát, T thấy tiền chênh lệch giảm so với dự toán đã được duyệt. Để hợp thức hóa chứng từ thanh toán, T nói rõ cho Nguyễn Thị Hoài Th biết việc cấp hạt giống cho người dân thay vì cây giống như dự toán sẽ được số tiền chênh lệch giảm so với dự toán đã được duyệt L: 11.457.000 đồng. Sau đó, T nhờ Th hướng dẫn các thủ tục thanh toán; Th biết T không Lm đúng theo như dự toán được phê duyệt nhưng vẫn đồng ý và hướng dẫn T L yêu cầu các hộ dân tham gia mô hình Lm đơn đề nghị thay đổi phân bón; còn việc cấp hạt giống cà chua được Th hợp thức hóa bằng cách hướng dẫn T thực hiện không các bước như: Lập thông báo chào hàng cạnh tranh, Th thập bảng báo giá của 03 cửa hàng trên địa bàn TP.Pleiku, lập quyết định chỉ định thầu, lập hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận cây giống cà chua, hóa đơn bán hàng để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán theo đúng dự toán đã được duyệt, nhằm giúp T rút số tiền chênh lệch từ ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở hướng dẫn của Th, đầu tháng 9/2016, Phan Ngọc T đến gặp bà Nguyễn Thị Nh – Chủ cửa hàng Vật tư nông nghiệp NK tại thôn 1, xã AP, TP.P để mua phân bón, Thóc bảo vệ thực vật và một số loại hạt giống cấp phát cho người dân. Riêng hạng mục cây giống cà chua, T mua 465gam hạt giống cà chua, thành tiền L: 14.415.000 đồng, nhưng nhờ bà Nghi trong hóa đơn L: 18.480 cây giống cà chua, đơn giá 1.400 đồng/cây, thành tiền L: 25.872.000 đồng. Vì muốn bán được hàng nên bà Nhdồng ý và viết hóa đơn số 0031404 ngày 10/9/2016, với nội dung theo yêu cầu của T. Ngày 13/10/2016, T nhờ bà Nh và Lê Vi B - cán bộ hợp đồng của Chi cục được phân công giúp việc cho T) ký vào các tài liệu hợp thức hóa, rồi tập hợp về cho Th và trình Lê Huy T1 ký duyệt chi số tiền L: 49.019.400 đồng. Mặc dù đã chỉ đạo T cấp phát hạt giống cà chua theo yêu cầu của người dân, nhưng T1 không kiểm tra hóa đơn, chứng từ mà vẫn ký duyệt chi theo đề nghị của Th, trong đó có nội dung quyết toán cây giống cà chua theo hóa đơn số 0031404 của cửa hàng Nhung Khai. Sau khi được T1 duyệt chi số tiền trên, Th chuyển khoản cho bà Nh và thông báo để T đến gặp bà Nhlấy tiền chênh lệch. T đã đến gặp bà Nh lấy số tiền chênh lệch giữa mua hạt giống và cây giống cà chua L: 11.457.000 đồng về giao cho Th thì Th báo cáo cho T1 biết L có tiền tiết kiệm từ mô hình sản xuất rau VietGap, nhưng không nói cụ thể bao nhiêu; T1 chỉ đạo Th giao số tiền này cho Chu Thị L để trả tiền tiếp khách của Chi cục. Chu Thị L không biết nguồn

tiền từ đâu nhưng do Th nói để trả nợ tiền tiếp khách nên L đã sử dụng trả nợ tiền tiếp khách của Chi cục tại Nhà hàng Thiên Thanh, Nhà hàng Ngọc Lâm, Nhà hàng Sê San Xanh; việc giao, nhận tiền giữa Th và L không có biên nhận và L sử dụng tiền cũng không có hóa đơn, chứng từ gì để chứng minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku đã xác minh tại các Nhà hàng ăn uống do L khai nêu trên, nhưng các Nhà hàng đều không lưu giữ thông tin, tài liệu về việc trả nợ của L; riêng Nhà hàng Sê San Xanh đã ngừng hoạt động nên không có căn cứ xác định có việc L trả tiền tiếp khách hay không nên không Th giữ được số tiền 11.457.000 đồng nêu trên.

Qua giám định, Giám định viên Tài chính - Kế toán kết luận: Việc Chi cục lập không hồ sơ quyết toán không đúng chủng loại cây giống trong quá trình thực hiện mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGap năm 2016 đã gây thất thoát, thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền L: 21.687.000 đồng. Qua điều tra, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ quyết toán và kết luận của Giám định viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku xác định số tiền mà T, Th và T1 gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước với số tiền L: 11.457.000 đồng. Số tiền còn lại 10.230.000 đồng thiệt hại L do sau khi được T1 chỉ đạo cấp hạt giống cà chua theo yêu cầu các hộ dân, T đã không nghiên cứu, tuân thủ đúng định mức hỗ trợ hạt giống cà chua tại địa bàn miền núi (từ 120-150 gam/1ha) theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông, dẫn đến tự cân đối và cấp phát hạt giống cà chua vượt quá định mức. Ngày 06/08/2020, T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku số tiền L: 21.687.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Khoảng tháng 3-2016, Lê Huy T1 đã họp cơ quan, đưa ra chủ trương và chỉ định Phòng Hành chính (cụ thể L Chu Thị L) mua nợ 01 máy chiếu hình ảnh để phục vụ công tác, khi có nhu cầu thì các cán bộ của Chi cục sử dụng máy chiếu này, sau đó lập hồ sơ quyết toán với hình thức Thê máy chiếu, rồi lấy tiền quyết toán được để trả tiền mua nợ máy chiếu và phục vụ các công việc khác của Chi cục. Với chủ trương đó, Nguyễn Thị Th Th1, Chu Thị L, Phan Ngọc T và bà Vũ Thị L đều thống nhất thực hiện. Ngày 07-3-2016, L đến Công ty TNHH Huy Vũ mua nợ 01 máy chiếu nhãn hiệu Panasonic PT-LB300A với giá 12.100.000 đồng rồi đem về để ở Phòng Hành chính, do L và Th quản lý. Khi cán bộ trong Chi cục có nhu cầu sử dụng máy chiếu, thì liên hệ Phòng Hành chính lấy máy sử dụng, sau đó thực hiện việc quyết toán không tiền Thê máy chiếu theo như chỉ đạo của T1. Riêng Nguyễn Thị Hoài Th, thời gian này đang nghỉ chế độ thai sản, nhưng sau khi đi Lm lại thì được biết và cũng tiếp nhận, đồng ý với chủ trương, chỉ đạo trên của T1; hồ sơ quyết toán sẽ được Th thông qua và đề nghị T1 ký duyệt chi. Từ tháng 9-2016 đến tháng 12-2017, một số cán bộ của Chi cục đã sử dụng máy chiếu mua nợ nói trên, sau đó lập hồ sơ không quyết toán tiền Thê máy chiếu, để rút tiền từ Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Ngày 13/9/2016 và ngày 25/11/2016, Phan Ngọc T đã sử dụng máy chiếu thời gian 03 ngày. Sau đó, T nhờ Lê Vi B đến Cơ sở Văn phòng phẩm Long Ân do ông Nguyễn Hữu L1 mua các hóa đơn số 0010868 và 0083993, tổng số tiền ghi trên hóa đơn 1.800.000 đồng với nội dung Thê máy chiếu. Sau đó, T đề nghị quyết toán tiền Thê máy chiếu để rút số tiền 1.800.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau

khi trừ chi phí mua hóa đơn 180.000 đồng, còn lại 1.620.000 đồng T giao cho Chu Thị L.

- Ngày 13/9/2016 và 23/9/2016, Nguyễn Thị Th Th1 sử dụng máy chiếu với tổng thời gian 09 ngày. Sau đó, Thảo nhờ Nguyễn Thị Hoài Th lấy hóa đơn số 0010869 - số tiền 600.000 đồng và hóa đơn số 0010879 - số tiền 4.800.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu tại Cơ sở Văn phòng phẩm Long Ân để lập hồ sơ đề nghị quyết toán, rút số tiền 5.400.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 640.000 đồng, còn lại 4.760.000 đồng Thảo giao cho Chu Thị L.

- Ngày 20/10/2016, Nguyễn Thị Th Th1 sử dụng máy chiếu thời gian 11 ngày. Thảo liên hệ Cơ sở Văn phòng phẩm Nguyễn Hậu do bà Lê Thị Minh H Lm chủ lấy hóa đơn số 0022097 với số tiền 6.600.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu để lập hồ sơ quyết toán, rút số tiền 6.600.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 760.000 đồng, còn lại 5.840.000 đồng Thảo giao cho Chu Thị L.

- Ngày 22/8/2017 và ngày 06/9/2017, Nguyễn Thị Th Th1 sử dụng máy chiếu với tổng thời gian 36 ngày. Thảo liên hệ với bà Nguyễn Thị Chín L nhân viên của Cơ sở Văn phòng phẩm Thanh Hải do ông Đinh Thanh H1 Lm chủ, lấy hóa đơn số 0060795 - số tiền 18.000.000 đồng và hóa đơn số 0039567 - số tiền 3.600.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu để lập hồ sơ quyết toán, rút số tiền 21.600.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 2.160.000 đồng, còn lại 19.440.000 đồng Thảo giao cho Chu Thị L.

- Ngày 01/9/2017, Vũ Thị L sử dụng máy chiếu thời gian 02 ngày. Luyên đến Cơ sở Văn phòng phẩm Thanh Hải lấy hóa đơn số 0039565 - số tiền 600.000 đồng và hóa đơn số 0039564 - số tiền 600.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu để lập hồ sơ quyết toán, rút số tiền 1.200.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 120.000 đồng, còn lại 1.080.000 đồng Luyên giao cho Chu Thị L.

- Ngày 20/12/2017, Vũ Thị L sử dụng máy chiếu thời gian 02 ngày. Luyên đến Cơ sở Văn phòng phẩm Long Ân lấy hóa đơn số 016613 - số tiền 600.000 đồng và hóa đơn số 0016610 - số tiền 600.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu để lập hồ sơ quyết toán, rút số tiền 1.200.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 120.000 đồng, còn lại 1.080.000 đồng Luyên giao cho Chu Thị L.

- Ngày 01/9/2017, Phan Ngọc T sử dụng máy chiếu thời gian 02 ngày. T đến Cơ sở Văn phòng phẩm Thanh Hải lấy hóa đơn số 0039563 - số tiền 600.000 đồng và hóa đơn số 0039562 - số tiền 600.000 đồng, ghi không L Thê máy chiếu để lập hồ sơ quyết toán, rút số tiền 1.200.000 đồng từ ngân sách Nhà nước. Sau khi trừ chi phí mua hóa đơn 120.000 đồng, còn lại 1.080.000 đồng T giao cho Chu Thị L.

Như vậy, trong năm 2016 và 2017, được sự chỉ đạo của Lê Huy T1, Nguyễn Thị Th Th1, Vũ Thị L và Phan Ngọc T nhiều lần sử dụng máy chiếu do Chi cục mua nợ, sau đó mua hóa đơn đã ghi nội dung Thê máy chiếu để lập không 13 hồ sơ quyết toán tiền Thê máy chiếu, rút tổng số tiền 39.000.000 đồng từ nguồn kinh

phí chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an T1 thực phẩm và chương trình khuyến nông do Chi cục quản lý, cụ thể:

- Nguyễn Thị Th Th1 mua tổng cộng 05 hóa đơn, đề nghị quyết toán không để rút số tiền 33.600.000 đồng;

- Vũ Thị L mua tổng cộng 04 hóa đơn, đề nghị quyết toán không để rút số tiền 2.400.000 đồng;

- Phan Ngọc T mua tổng cộng 04 hóa đơn, đề nghị quyết toán không để rút số tiền 3.000.000 đồng.

Trong số tiền 39.000.000 đồng rút từ ngân sách nhà nước nêu trên, Thảo, Luyến và T chi tiền mua hóa đơn L: 4.100.000 đồng; L chi 12.100.000 đồng trả tiền mua nợ máy chiếu và chi 17.000.000 đồng để Thảo mua 01 máy Ipad cho Chi cục phục vụ công tác. Còn lại 5.800.000 đồng, L khai chi vào việc sửa chữa máy chiếu khi hư hỏng và tiếp khách của Chi cục, nhưng không có hoá đơn chứng từ chứng minh.

Qua giám định, Giám định viên Tài chính - Kế toán kết luận: Năm 2016 đến năm 2017, Chi cục đã sử dụng 13 hóa đơn của các đơn vị không cho Thê máy chiếu, để lập 13 hồ sơ quyết toán không tiền Thê máy chiếu, rút tổng số tiền 39.000.000 đồng từ nguồn kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia về vệ sinh an T1 thực phẩm và chương trình khuyến nông, L vi phạm quy định về Luật kế toán 2003, Luật kế toán 2015, gây thất thoát, thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 26.900.000 đồng. Cơ quan Điều tra xác định tổng số tiền mà Thảo, Luyến, T quyết toán không tiền Thê máy chiếu để rút từ ngân sách nhà nước theo chỉ đạo của T1 L: 39.000.000 đồng. Cũng theo chỉ đạo của T1, Chu Thị L đã chi mua 01 máy chiếu với số tiền 12.100.000 đồng và trên thực tế máy chiếu này có phục vụ cho hoạt động chuyên môn của Chi cục. Do vậy, Cơ quan Điều tra xác định số tiền ngân sách nhà nước bị thiệt hại L: 26.900.000 đồng.

Quá trình điều tra vụ án, Phan Ngọc T giao nộp tổng cộng 31.611.999 đồng; trong đó 21.687.000 đồng L để khắc phục hậu quả việc gây thiệt hại khi quyết toán mô hình sản xuất rau ở xã An Phú, 6.924.000 đồng L để khắc phục hậu quả từ việc quyết toán tiền Thê xe ô tô đi công tác và 3.000.000 đồng L để khắc phục hậu quả việc gây thiệt hại khi quyết toán tiền Thê máy chiếu. Nguyễn Thị Th Th1 giao nộp 33.600.000 đồng và Vũ Thị L giao nộp 2.400.000 đồng để khắc phục hậu quả việc gây thiệt hại khi quyết toán tiền Thê máy chiếu. Tổng số tiền các cá nhân trên nộp để khắc phục hậu quả L 67.611.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku chuyển số tiền trên theo vụ án để xử lý.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 06-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Huy T1 phạm các tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" và tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*".

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị Hoài Th, Nguyễn Thị Th Th1, Chu Thị L và Phan Ngọc T phạm tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành*

công vụ”.

Về điều luật và hình phạt:

* Đối với bị cáo Lê Huy T1:

-Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

-Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Lê Huy T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” và 06 (sáu) tháng tù về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

-Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Cộng hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung L: 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Lê Huy T1 đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

*Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th:

-Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Hoài Th 05 (năm) năm tù về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

*Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Th Th1, Chi Thị L, Phan Ngọc T:

-Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Th Th1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt Chu Thị L 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt Phan Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

-Áp dụng các Điều: 275, 276, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo: Lê Huy T1, Nguyễn Thị Hoài Th, Nguyễn Thị Th Th1, Chu Thị L, Phan Ngọc T; và bà Vũ Thị L về việc bồi thường số tiền thiệt hại nộp vào ngân sách nhà nước L: 48.587.000 đồng.

Hoàn trả lại cho các bị cáo: Lê Huy T1, Nguyễn Thị Hoài Th, Nguyễn Thị

Th Th1, Chu Thị L, Phan Ngọc T, mỗi bị cáo được nhận lại số tiền L: 3.804.000 đồng.

Số tiền nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05-8-2021 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo theo luật định.

3. Kháng cáo của các bị cáo

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Lê Huy T1, Nguyễn Thị Th Th1, Nguyễn Thị Hoài Th, Chu Thị L và Phan Ngọc T kháng cáo về phần tội danh và hình phạt, cho rằng các bị cáo không phạm tội như tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Thảo kháng cáo về phần dân sự trong bản án.

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Huy T1, Nguyễn Thị Th Th1, Nguyễn Thị Hoài Th, Chu Thị L và Phan Ngọc T thay đổi nội dung kháng cáo, nhận thức của các bị cáo có sai phạm trong khi thực hiện công vụ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại mức độ vi phạm và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Bị cáo Thảo rút kháng cáo đối với phần dân sự.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo: đều nhất trí với nội dung kháng cáo của các bị cáo và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo theo hướng:

* Đối với bị cáo Lê Huy T1:

-Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Huy T1 từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

-Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều: 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Huy T1 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng về tội: *“Mua bán trái phép hóa đơn”*.

-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Lê Huy T1 đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

*Đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th:

-Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Hoài Th từ 09 đến 12 tháng Cải tạo không giam giữ về tội: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Th Th1, Chi Thị L, Phan Ngọc T:*

-Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 34, 50, 58, 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Th Th1, Chu Thị L, Phan Ngọc T hình phạt **Cảnh cáo**.

* Bị cáo Nguyễn Thị Th Th1 rút phần kháng cáo dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 342 BLTTHS đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét nội dung kháng cáo về tội danh:

[1.1] Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn:

Đối với hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai nhận hành vi như đã mô tả trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử ở giai đoạn sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận trong năm 2016, các bị cáo đã thay đổi vật tư trong dự án Vietgap, cấp phát hạt giống thay vì cây giống cà chua, được số tiền chênh lệch giảm so với dự toán L: 11.457.000 đồng. Cũng trong khoảng thời gian này, bị cáo T1 đã chủ trương mua nợ máy chiếu đồng thời lập quyết toán tiền Thê với mức 600.000 đồng/ngày, với 13 hồ sơ, rút tổng số tiền 39.000.000 đồng từ ngân sách nhà nước, trừ đi số tiền mua máy chiếu 12.100.000 đồng thì số tiền còn lại các bị cáo để vào quỹ cơ quan sử dụng cho các mục đích tập thể.

Các bị cáo đều L cán bộ trong cơ quan nhà nước nên ngoài nhiệm vụ chuyên môn các bị cáo còn có nghĩa vụ bảo vệ tài sản nhà nước, Lm đúng các nguyên tắc của pháp luật về quản lý ngân sách nhưng với động cơ vụ lợi cho tổ chức các bị cáo lợi dụng trách nhiệm, quyền hạn được giao đã cố ý sử dụng chi tiêu tiền ngân sách không đúng quy định với tổng số tiền 38.357.000 đồng, đây L thiệt hại do các bị cáo gây ra. Từ đó, bị cáo T gây thiệt hại 11.000.000 đồng; các bị cáo Thảo, L gây thiệt hại 26.100.000 đồng; các bị cáo Th, T1 gây thiệt hại 38.000.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” L đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[1.2] Về hành vi mua bán trái phép hóa đơn:

Theo lời khai ban đầu, lúc chưa bị khởi tố của bị cáo T1: “...việc đi Thê máy chiếu hình ảnh bên ngoài gặp nhiều khó khăn nên tôi đưa ra chủ trương và chỉ đạo thủ quỹ L bà Chu Thị L đi liên hệ mua nợ về 1 máy chiếu hình ảnh. Đến tháng 3/2016 thì bà L thông báo với tôi đã mua được 1 máy chiếu với giá 12.100.000đ. Tôi chủ trương chỉ đạo khi các bộ phận của Chi cục có nhu cầu sử

dụng máy chiếu thì sử dụng máy chiếu của Chi cục đã mua. Sau đó ứng tiền 15% liên hệ lấy hóa đơn về lập hồ sơ quyết toán. Tiền chuyên sau khi đã quyết toán thì trừ đi 15% giá trị hóa đơn đã ứng trước đó. Số còn lại thì chuyển cho bà L để tập hợp hoàn trả lại tiền chi phí mua máy chiếu...”

Từ chỉ đạo của T1 mà Thảo, Luyến, T đã mua 13 hóa đơn đã ghi nội dung L Thê máy chiếu để quyết toán cho 65 lần sử dụng máy chiếu, bị cáo T1 có ký vào tất cả các hồ sơ quyết toán này với tư cách L chủ tài khoản. Do vậy, hành vi của bị cáo T1 đã cấu thành tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

[2] Về điều luật áp dụng đối với các bị cáo:

Xâu chuỗi các hành vi và ý thức của bị cáo T1 và Th khi thực hiện hành vi phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” thì thấy:

Tuy các khoản tiền thiệt hại từ dự án trồng cà chua và từ việc thanh toán tiền Thê máy chiếu L 02 khoản khác nhau, trong đó khoản chi Thê máy chiếu được các bị cáo lập đi lập lại trong suốt 02 năm 2016 và 2017 với 65 lần, trong quyết toán dự án trồng cà chua cũng có chi phí Thê máy chiếu nên hành vi phạm tội của các bị cáo T1 và Th L một chuỗi hành vi liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian, xâm phạm cùng 01 khách thể, các khoản tiền ngân sách bị thiệt hại xen kẽ vào nhau cho cùng 01 mục đích vụ lợi. Do vậy mà các bị cáo chỉ phạm tội 01 lần với tổng số tiền thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 02 khoản này khác nhau nên cho rằng các bị cáo phạm tội 02 lần từ đó áp dụng tình tiết định khung ở khoản 2 Điều 356 có mức án L 05-15 năm L không đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ sửa án sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 356 để xử phạt đối với các bị cáo T1 và Th.

Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Chu Thị L, Phan Ngọc T và Nguyễn Thị Th Th1 được Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên giữ nguyên điều luật áp dụng ở 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[3] Về vai trò và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo T1 L người chỉ đạo cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng nhất. Bị cáo Th L kế toán trưởng, L người lập quyết toán, dự toán cho các hoạt động của đơn vị nên vai trò của bị cáo cao hơn các bị cáo còn lại. Đối với các bị cáo Thảo, L, T có vai trò thứ yếu nghe theo sự chỉ đạo của cấp trên thực hiện hành vi phạm tội.

Về hình phạt đối với các bị cáo trong tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”: Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của hai bị cáo T1 và Th cao hơn các bị cáo còn lại nhưng xét hành vi phạm tội của các bị cáo L vì lợi ích tập thể không chiếm đoạt tiền nhà nước để trục lợi cho cá nhân, các bị cáo đã dùng tiền của mình để khắc phục T1 bộ tại thời điểm các cơ quan T hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố, chứng tỏ các bị cáo rất có ý thức trong việc khắc phục hậu quả, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo T1 nộp xác nhận thành tích trong đó có 03 năm liền từ năm 2010 đến 2012 đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v

khoản 1 Điều 51 BLHS, các bị cáo Thảo, L, T nộp giấy khen trong quá trình công tác và hoàn thành nghĩa vụ án phí sơ thẩm được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, đây L các tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh.

Các bị cáo L, Thảo, T L cấp dưới phạm tội do bị lệ Thộc, Lm theo chỉ đạo của T1, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho các bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt L đảm bảo sự công bằng trong cá thể hóa hình phạt.

Về hình phạt của bị cáo T1 đối với tội “Mua bán hóa đơn”: bị cáo phạm tội với tổng số 13 hóa đơn đã ghi nội dung, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc do vậy sẽ phạt bị cáo dưới khung hình phạt đối với tội này.

[4] Đối với kháng cáo phần dân sự trong vụ án, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Th Th1 đã rút kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phần kháng cáo này.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 06-3-2023 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về điều luật áp dụng và hình phạt:

1.1 -Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm: b, h, s, v khoản 1 Điều 51; các Điều: 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Huy T1 **12 (mười hai)** tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Huy T1 cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% Th nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ

-Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s, v khoản 1 Điều 51; các Điều: 35, 50, 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Huy T1 số tiền **30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng** về tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Lê Huy T1 đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

1.2 -Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1 Điều 51; các Điều: 36, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th **09 (chín)** tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th cho Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai để giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% Th nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ
-Áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự;

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hoài Th đảm nhận chức vụ liên quan đến hoạt động tài chính trong thời 01 (một) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt.

1.3 -Áp dụng khoản 1 Điều 356; các điểm: b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; các Điều: 34, 50, 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Th Th1; Chu Thị L; Phan Ngọc T hình phạt **Cảnh cáo**.

2. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phần kháng cáo dân sự đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th Th1.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- CQCSĐT thành phố P;
- VKSND thành phố P;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các bị cáo;
- Lưu VT, THS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Bình